

Số: 54/2021/QĐST – HNGĐ

G, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 58/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị D, sinh năm 1990.

Trú tại: xóm 3, xã L, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần Q, sinh năm 1985.

Trú tại: xóm 3, xã L, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY

Vệc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Cao Thị D và anh Trần Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Cao Thị D và anh Trần Q có hai con chung là các cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 11/4/2009 và cháu Trần Hà V, sinh ngày 18/10/2010. Giao cháu Trần Thị Phương L cho anh Trần Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Hà V cho chị Cao Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Chị Cao Thị D và anh Trần Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Cao Thị D nhận nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003937, ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn. Trả lại cho chị D số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện Gia Viễn (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã L (01 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q